TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ D** TỈNH B	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2020/HNGĐ-ST
Ngày 16-7-2020
V/v: tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung;

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh B.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 357/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D; sinh năm 1989; thường trú: Thôn 5, thị trấn C, huyện C, tỉnh H; tạm trú: Số 20, Phan Đăng Lưu, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1988; thường trú: Thôn 5, thị trấn C, huyện C, tỉnh H; tạm trú: Số 20, Phan Đăng Lưu, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 04/5/2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Lê Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11, quyển số 01/2015, ngày 27/02/2015. Sau kết hôn, chị Nguyễn Thị D và anh Lê Văn Đ sinh sống tại thành phố D, tỉnh B cho đến nay, trong thời gian chung sống, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên tranh cãi. Năm 2016 chị Nguyễn Thị D có đơn xin ly hôn, tuy nhiên sau khi hòa giải tại Tòa án chị Nguyễn Thị D đã cho anh Lê Văn Đ cơ hội để vợ chồng đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện.

Nay chị Nguyễn Thị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Lê Hữu B, sinh ngày 08/11/2014. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn chị Nguyễn Thị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh Lê Văn Đ cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay chị Nguyễn Thị D làm công nhân thu nhập khoảng 8.000.000 đồng/1 tháng, anh Lê Văn Đ làm tài xế, thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng/1 tháng.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về phía bị đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 24/6/2020 anh Lê Văn Đ trình bày:

Thống nhất với lời khai và toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn được triệu tập hợp lệ để tự khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do. Ngày 12/6/2020 và ngày 09/7/2020 nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định. Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D và bị đơn anh Lê Văn Đ có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ theo Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị D và anh Lê Văn Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Lê Văn Đ là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11, quyển số 01/2015, ngày 27/02/2015 nên quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị D và anh Lê Văn Đ là hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị D thấy rằng: Chị Nguyễn Thị D và anh Lê Văn Đ đều thống nhất thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, năm 2016 chị Nguyễn Thị D có yêu cầu ly hôn tại Tòa án nhưng vợ chồng cho nhau cơ hội để đoàn tụ cùng nuôi dạy con nhưng sau khi đoàn tụ thì tình cảm không được cải thiện, nay chị Nguyễn Thị D có yêu cầu ly hôn, anh Lê Văn Đ đồng ý điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn và không muốn hàn gắn, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không đạt được mục đích. Vì vậy, chị Nguyễn Thị D yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Lê Văn Đ và chị Nguyễn Thị D đều thống nhất trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Lê Hữu B, sinh ngày 08/11/2014. Chị

Nguyễn Thị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần phải xem xét về mọi mặt, quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, trong quá trình tố tụng anh Lê Văn Đ đồng ý với nguyện vọng của chị Nguyễn Thị D, đồng thời chị Nguyễn Thị D là người có khả năng lao động, có thu nhập ổn định và cháu Lê Hữu B còn nhỏ nên cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận nguyện vọng của chị Nguyễn Thị D về việc được trực tiếp nuôi dưỡng con.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị D tự nguyện không yêu cầu anh Lê Văn Đ cấp dưỡng nuôi con nên hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị D.

[5] Về tài sản chung: Anh Lê Văn Đ và chị Nguyễn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Lê Văn Đ và chị Nguyễn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Anh Lê Văn Đ không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Lê Văn Đ (Giấy chứng nhận kết hôn số 11, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh H cấp ngày 27/02/2015)

2. Tiếp tục giao cháu Lê Hữu B, sinh ngày 08/11/2014 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị D và anh Lê Văn Đ đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh Lê Văn Đ lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị Nguyễn Thị D nuôi con thì chị Nguyễn Thị D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị D về việc không yêu cầu anh Lê Văn Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0040438 ngày 14/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân thành phố D, tỉnh B. Anh Lê Văn Đ không phải nộp.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự (2);
- VKSND thành phố Dĩ An (1);
- CC THADS thành phố Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- UBND xã C, huyện C, tỉnh H (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Trần Thị Thắm